

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện Dương Minh Châu, ngày 14 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỦA TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	616/ 15 lớp - HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã của huyện Dương Minh Châu và các địa bàn khác trong tỉnh Tây Ninh - Tham gia xét tuyển vào lớp 10 THPT theo quy định của Sở GDĐT Tây Ninh và được Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt danh sách trúng tuyển.	435/ 10 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Dương Minh Châu - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	345/ 9 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Dương Minh Châu - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban Đại diện CMHS đúng theo Thông tư hướng dẫn hiện hành. Ban Đại diện CMHS học sinh trường họp 3 lần/ năm và họp đột xuất khi có yêu cầu. Ban Đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học và nội quy của nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ		

		trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong và tinh thần, thái độ học tập			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học, dụng cụ thí nghiệm-thực hành. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, đèn chiếu sáng, quạt, màn hình trình chiếu kết nối internet..... - Được trang bị cơ sở vật chất khá đầy đủ để phục vụ công tác dạy và học như bổ sung máy chiếu, màn hình cảm ứng ở các phòng học bộ môn.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh được tham gia hoạt động công tác Đoàn, Hội, các hoạt động NGLL, hoạt động sinh hoạt truyền thống, các hoạt động xã hội, tự nguyện..... - Được tham gia các phong trào hội thao, hội thi: văn hóa, văn nghệ -TĐTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động, khen thưởng từ các nguồn đóng góp, Ban Đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động NGLL, ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đồng,...).			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<table border="1"> <tr> <td>- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề</td> <td>- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề</td> <td>- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH</td> </tr> </table>	- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH
- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH			



Nguyễn Nhiêu Phong

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dương Minh Châu, ngày 14 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU, NĂM HỌC 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1258	563	368	327
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1215(96,6%)	532(94,5%)	361(98,1%)	322(98,47%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39(3,1%)	25(4,44%)	7(1,9%)	5(1,53%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4(0,3%)	4(1,06%)	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1258	563	368	327
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	176(14%)	57(10,12%)	66(17,93%)	53(16,2%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	446(35,45%)	136(24,16%)	114(30,98%)	196(59,94%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	461(36,65%)	236(41,9%)	147(39,95%)	78(23,86%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	154(12,24%)	114(20,25%)	40(10,87%)	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	21(1,66%)	20(3,57%)	1(0,27%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1258	563	368	327
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1083(86,1%)	429(76,2%)	327(88,86%)	327(100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	176(14%)	57(10,12%)	66(17,93%)	53(16,2%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	446(35,45%)	136(24,16%)	114(30,98%)	196(59,94%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	154(12,24%)	114(20,25%)	40(10,87%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	64(5,09%)	39(3,1%)	25(1,99%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển đi: Chuyển về:			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	3		1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	327(100%)	0	0	327(100%)
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	327(100%)			327(100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1258/632			
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3			



Nguyễn Nhiêu Phong

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dương Minh Châu, ngày 14 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT

CỦA TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU, NĂM HỌC 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	39	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	39	1.57
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42.4/ lớp	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	30.000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.152	1,57
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	0.49
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	0.13
6	Phòng khác		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		
1.2	Khối lớp 11		
1.3	Khối lớp 12		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	120	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi; màn hình LCD và màn hình cảm ứng		
2	Màn điện tử và máy chiếu đa năng		
3	Cát xét		
4	Máy vi tính (thư viện)		
5	Máy in thư viện		
6	Máy tính (chuyên môn và quản lý)		
7	Máy in (quản lý)		
8	Máy lạnh (phòng vi tính, hội đồng và phòng họp)		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi (LCD)		
2	Bảng tương tác thông minh		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Máy tính xách tay	6	
6	Hệ thống micro không dây	1	
7	Loa, ampli phòng hội trường cố định, phòng lab		
8	Máy photocopy	1	
9	Máy fax		
10	Máy scan	1	
11	Máy quay phim KTS		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	



Nguyễn Nhiều Phong

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dương Minh Châu, ngày 14 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG THPT DƯƠNG MINH CHÂU, NĂM HỌC 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	75		18	29	02	01	03	26	7			63	2	
I	Giáo viên	62		16	26				20	7			31		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	10		5	7				2	8			10		
2	Lý	8		4	6				1	7			8		
3	Hóa	5		0	5				5				5		
4	Sinh học	4		3	1				4	2			4		
5	Văn	8		2	6				6	2			8		
6	Sử	4			4				4				4		
7	Địa	3			3				3				3		
8	GDCD	2			2				2				2		
9	Tiếng anh	7		1	6				7				7		
10	Công nghệ														
11	Thể dục	3			3				2	1			3		
12	QPAN	2			2				2				2		
13	Tin học	5		1	4				2				5		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				2				3		
1	Hiệu trưởng	1		1					1				1		
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				1	1			2		
III	Nhân viên	7			1	2	1	3							

1	Nhân viên văn thư	1				1													
2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ																		
4	Nhân viên y tế	1					1												
5	Nhân viên thư viện	1				1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																		
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật																		
8	Nhân viên công nghệ thông tin																		
9	Nhân viên bảo vệ	3						3											
10	Nhân viên phục vụ	1						1											

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nhiêu Phong

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

(Theo thông tư 36 của Bộ Giáo dục)

1. Thực hiện công khai tài chính theo quy định:

- a) *Thực hiện công khai tài chính theo biểu 2,3,4 thông tư 61 gồm:*
- Dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2020 (biểu 2)
 - Đánh giá thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước 2020 (biểu 3): quý, 6 tháng, năm
 - Quyết toán thu – chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2020 (biểu 4)
- b) *Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước: xem biểu 4 mục 3.2*
- c) *Thực hiện công khai tài chính theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017*
- d) *Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính trên web trường*

2. Mức thu học phí và các khoản thu khác năm 2020-2021

STT	Tên đối tượng	Số dư đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn
1	Học phí năm	9.870.621	575.737.000	362.301.505	223.306.116
2	Căn tin	59.342.000	75.000.000	8.495.000	125.847.000
3	Giữ xe		24.800.000	0	24.800.000
4	Tăng tiết	0	169.189.500	30.498.000	138.691.500
5	Sổ liên lạc điện tử	0	115.183.000	93.800.000	21.383.000
6	Quỹ khuyến học	1.496.500	8.420.000	9.916.500	0
7	Hội phí	6.788.040	174.789.900	21.330.000	160.247.940
8	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	5.054.228	25.445.475	30.499.703	0

3. Các khoản chi trong năm học 2020-2021:

- Chi lương: 8.172.382.571 đồng
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm dụng cụ PCCC: 1.893.998.532 đồng
- Mức thu nhập cao nhất 1 tháng: 14.974.477 đồng
- Mức thu nhập thấp nhất 1 tháng: 3.069.850 đồng
- Mức thu nhập bình quân 1 tháng: 9.022.163 đồng

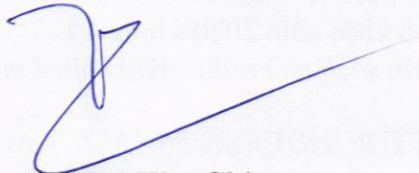
4. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học:

- Miễn giảm học phí theo đúng quy định theo nghị 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015:
- Năm học 2020-2021:
 - + Mồ côi: 0
 - + Nghèo: 14 trường hợp (khối 10, 11, 12)
 - + Khuyết tật: 0
 - + Thương binh: 0
 - + Chất độc da cam: 01 trường hợp (Khối 12)

- Cấp học bổng cho học sinh nghèo từ nguồn kinh phí của tổ chức Saigon Children's Charity có trị giá: 80.000.000 đồng

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu


Võ Thị Kim Chi


Nguyễn Nhiều Phong

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2020)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	576
1.1	Lệ phí	
	Học phí công lập	576
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	362
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	576
3.1	Lệ phí	
	Học phí công lập	576
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.905
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.905
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.797
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu

Võ Thị Kim Chi


HIỆU TRƯỞNG
TRUNG TÂM
PHÓ THỦ
DƯƠNG MINH CHÂU
TÂY NINH
Nguyễn Nhiều Phong

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	576	576	100%	100%
1	Số thu phí, lệ phí	576	576	100%	100%
1.1	Lệ phí				
	Học phí công lập				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	362	362	100%	100%
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	576	576	100%	100%
3.1	Lệ phí				
	Học phí công lập				
3.2	Phí				
	Phí A				

	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.905	10.905	100%	100%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.797	10.797	100%	100%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108	108	100%	100%

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu



Võ Thị Kim Chi



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nhiêu Phong

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2020)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

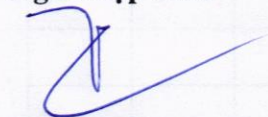
ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Trong đó	Trong đó	Trong đó
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	0	0			
A	Tổng số thu	576	576			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí	576	576			
1	Học phí công lập	576	576			
3	Thu sự nghiệp khác	99	99			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	362	362			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	362	362			
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.905	10.905			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.797	10.797			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108	108			
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					

C	Số thu nộp NSNN	576	576			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí	576	576			
	Học phí công lập	576	576			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.905	10.905	8.172	2.503	230
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.905	10.905	8.172	2.503	230
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.797	10.797	8.172	2.395	230
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108	108	108		

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu



Võ Thị Kim Chi



Nguyễn Nhiêu Phong

Biểu số 7 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2020)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Dự toán thu nguồn khác (nếu có)	
1	Thu hội phí	175
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân	149
3	Thu khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.905
I	Chi thường xuyên	10.797
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.797
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân	
	Hội phí	21
	Khuyến học	10

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu



Võ Thị Kim Chi



Nguyễn Nhiều Phong

Biểu số 8 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM)

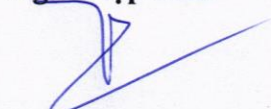
(Dùng cho tổ chức cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Dự toán thu nguồn khác (nếu có)				
1	Thu hội phí	175	175	100%	100%
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân				
3	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.905	10.905	100%	100%
I	Chi thường xuyên	10.797	10.797	100%	100%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.905	10.905	100%	100%
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108	108	100%	100%
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân	31	31		
	Hội phí	21	21	100%	100%
	Khuyến học	10	10	100%	100%

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu



Võ Thị Kim Chi



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nhiêu Phong

Biểu số 9 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THPT DƯƠNG MINH CHÂU

Chương: 422-070-074

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2020)

(Dùng cho các tổ chức cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đv tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
A	Quyết toán thu nguồn khác (nếu có)					
1	Thu hội phí					
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân					
3	Thu khác					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.905	10.905	8.172	2.503	230
I	Chi thường xuyên	10.905	10.905	8.172	2.503	230
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.797	10.797	8.172	2.395	230
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	108	108	108		
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân	31				
	Hội phí	21				
	Khuyến học	10				

Huyện Dương Minh Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu

Võ Thị Kim Chi

HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
DƯƠNG MINH CHÂU
Nguyễn Nhiêu Phong

